

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110 /2019/HN&GD-ST

Ngày: 14 - 11 - 2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn.
2. Ông Phạm Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST-HN&GD, ngày 12 tháng 8 năm 2019 về ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2019/QĐXXST-HN&GD, ngày 24 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2019/QĐST-HN&GD ngày 05/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ Y, thôn Z, xã A, huyện B, tỉnh C. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần C, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ Y, thôn Z, xã A, huyện B, tỉnh C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 30/7/2019, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị H tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần C tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai năm và đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2009. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn và anh C bỏ nhà đi rất nhiều lần. Lần cuối anh C bỏ nhà đi là từ ngày 23 tháng giêng năm 2019 đi được 07 tháng thì quay về. Từ ngày anh bỏ đi cho đến nay anh chị sống ly thân. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không thể chung sống thêm, anh thường xuyên chửi xúc phạm, không tôn trọng chị. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C. Tại phiên tòa chị xác định không còn tình cảm yêu thương gì đối với anh C nữa và nhất định yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh C có với nhau 01 người con chung tên Trần K, sinh ngày 23/12/2009, cháu K hiện nay đang sống với anh C. Về con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Suốt trong quá trình tố tụng, anh C luôn trốn tránh, không tham gia bất cứ hoạt động tố tụng nào và cũng không có bản tự khai nào.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H và anh Trần C có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2009 nhưng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã có thời

gian sống ly thân dài. Tại phiên tòa chị H khẳng định không còn tình cảm với anh C và yêu cầu được ly hôn với anh C. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 30/7/2019, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện B, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh C vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, là trường hợp được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần C đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc thì ít nhưng mâu thuẫn lại nhiều. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bỏ bê, thiếu sự quan tâm chăm sóc, nhiều lần xúc phạm chị H và hậu quả là bạo hành gia đình. Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hiểu, thông cảm cho nhau hơn, từ đó về sống đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh C không tham gia. Tại phiên tòa chị H khẳng định là không còn tình cảm yêu thương gì với anh C nữa và nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh C đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau nữa, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần C có với nhau 01 người con chung tên Trần K, sinh ngày 23/12/2009. Hiện nay cháu K đang sống với anh C tại thôn 1, xã A. Tại phiên tòa chị H không có ý kiến gì về việc cháu K sống với anh C. Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Kể cả chị H cũng như anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H là người phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần C là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị H thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu các bản án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H ly hôn anh Trần C.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0025566, ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án 14/11/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú. (đã giải thích).

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Vũ Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức